

QUYẾT ĐỊNH

**VỀ VIỆC GIAO KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2020
NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18/6/2014;

Căn cứ Quyết định số 1706/QĐ-TTg ngày 29/11/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 21/2019/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của HĐND tỉnh về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020, vốn cân đối ngân sách địa phương và phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2020;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 2076/SKHĐT-TH ngày 27 tháng 12 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2020 nguồn vốn ngân sách Trung ương, chi tiết theo các Phụ lục đính kèm.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Căn cứ kế hoạch vốn đã giao tại Điều 1 Quyết định này, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, các đơn vị trực thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố tiến hành phân bổ và giao nhiệm vụ cho các đơn vị trực thuộc; hướng dẫn, đôn đốc và kiểm tra các đơn vị triển khai thực hiện theo nhiệm vụ, mục tiêu kế hoạch năm 2020, bảo đảm hoàn thành kế hoạch được giao theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước về việc sử dụng ngân sách Nhà nước trong đầu tư phát triển.

2. Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi thực hiện việc kiểm soát, thanh toán vốn đầu tư cho dự án theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Định kỳ hằng tháng, quý và cả năm gửi báo cáo tình hình thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước kế hoạch năm 2020 về Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính theo quy định.

Điều 3. Giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2020 theo quy định của Luật Đầu tư công và các Nghị định hướng dẫn thi hành. Dự

án sử dụng vốn nước ngoài thuộc Chương trình mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi và Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, các đơn vị trực thuộc UBND tỉnh; Giám đốc các Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và Thủ trưởng các đơn vị được giao kế hoạch vốn tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (báo cáo);
- Bộ Tài chính (báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh,
- VP UB: PVP, các phòng Ng/cứu, CBTH;
- Lưu: VT, THbha509.



Trần Ngọc Căng



**PHỤ LỤC TỔNG HỢP
TỔNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2020
NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG -**

(Kèm theo Quyết định số 1041/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	NGUỒN VỐN	Kế hoạch vốn năm 2020			Ghi chú
		Tổng cộng	Trong đó:		
			Thu hồi vốn ứng trước	Thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản	
	Tổng cộng	1.838.728	92.125	2.250	
1	Chương trình mục tiêu quốc gia	813.552	42.064	-	
1.1	Chương trình xây dựng Nông thôn mới	434.720			Giao theo Quyết định riêng
	Vốn trong nước	284.720			
	Vốn nước ngoài	150.000			
1.2	Chương trình giảm nghèo bền vững	378.832	42.064		Giao theo Quyết định riêng
	Vốn trong nước	320.279			
	Vốn nước ngoài	58.553			
2	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực, Chương trình mục tiêu và các khoản chi cụ thể	643.129	50.061	2.250	
	Trong đó:				
2.1	Hỗ trợ đồng bào dân tộc miền núi theo QĐ số 2085/QĐ-TTg	11.029			Phân khai sau
2.2	Chương trình mục tiêu	337.061	50.061	2.250	Phụ lục 1
	Trong đó: Thu hồi các khoản ứng trước	50.061			
2.3	Còn lại phân khai chi tiết sau khi được Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh, bổ sung kế hoạch trung hạn 2016 - 2020	295.039			Phân khai sau
	Trong đó:				
	Vốn TPCP bố trí Chương trình kiên cố hóa trường lớp học	9.500			
	Vốn bố trí cho các CTMT và các dự án cụ thể	285.539			
3	Vốn nước ngoài	382.047			Phụ lục 2
	Chương trình mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh	48.177			



Phụ lục 1

CHI TIẾT BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NĂM 2020 NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG
Vốn Chương trình mục tiêu
 Quyết định số 1041/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi



Đơn vị: Triệu đồng

ST T	Danh mục dự án	Đầu mối giao kế hoạch	Số quyết định: ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Trong đó: Vốn NSTW				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số	Trong đó:		Chi chú
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB	Thu hồi vốn ứng trước	Thanh toán nợ động xây dựng cơ bản							
1				5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	
	Tổng cộng			3.670.562	2.949.673	2.018.647	1.701.647	230.328	2.250	1.093.025	739.472	337.061	50.061	2.250		
A	Bổ trợ hoàn trả vốn ứng trước			-	-	180.328	180.328	180.328	-	33.087	33.087	50.061	50.061	-		
1	Tam ứng NSTW năm 2009 để đầu tư các dự án trọng điểm trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	BỘL KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi				180.328	180.328	180.328		33.087	33.087	50.061	50.061			
B	Phân bổ các Chương trình mục tiêu			3.670.562	2.949.673	1.838.319	1.521.319	50.000	2.250	1.059.938	706.385	287.000	-	2.250		
I	Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội các vùng			919.213	476.289	687.245	452.245	-	-	565.964	303.411	102.000	-	-		
	Các dự án khởi công mới giai đoạn 2016-2020			919.213	476.289	687.245	452.245	-	-	565.964	303.411	102.000	-	-		
	Dự án dự kiến hoàn thành trong giai đoạn 2016-2020			704.213	391.289	592.245	367.245	-	-	565.964	303.411	52.000	-	-		
	Dự án nhân B															
1	Dương tránh từ Bình Minh - Bình Khương	UBND huyện Bình Sơn		1967g/QĐ-UBND, 31/10/2015	80.441	80.441	72.397	72.397		63.282	63.282	5.000				
2	Dương Ba Bích - Ba Nam	UBND huyện Ba Tư		1967h/QĐ-UBND, 31/10/2015	99.998	99.998	83.998	83.998		65.500	65.500	15.000				
3	Cảng Bến Đình	BỘLDA ĐTXD các công trình Giao thông tỉnh		495/QĐ-UBND ngày 31/3/2016, 681/QĐ-UBND ngày 04/5/2018, 847/QĐ-UBND ngày 14/6/2019	256.796	100.000	200.000	100.000		237.553	96.000	4.000				Lấy kế vốn đã giao đến 2019 có 37.553 tỷ đồng từ các nguồn vốn khác (vượt thu, thường vượt thu)

ST T	Danh mục dự án	Đầu mối giao kế hoạch	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTg giao kế hoạch	Kế hoạch trung hạn 5 năm giai đoạn 2016-2020				Kế hoạch trung hạn đã giao đến hết năm 2019			Kế hoạch 2020 vốn NSTW			Ghi chú		
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số	Trong đó:			
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)							Thu hồi các khoản ứng trước NSTW		Thanh toán nợ XDCB	Thu hồi vốn ứng trước
	<i>Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015 sang giai đoạn 2016-2020</i>															
	<i>Dự án dự kiến hoàn thành sau 2020</i>															
	<i>Dự án nhóm B</i>															
13	Rà phá bom mìn, vật nổ còn sót lại sau chiến tranh trên địa bàn tỉnh Q.Ngãi G.đoạn 2010 - 2015	Bộ Chỉ huy Quản sự tỉnh		509.971	509.971	509.971	509.971	20.000	-	-	16.000	16.000	4.000			
VIII	Chương trình mục tiêu Biên Đông- Hải đảo đảm bảo cho lĩnh vực quốc phòng, an ninh trên biển và hải đảo			688.000	688.000	688.000	669.000	669.000	50.000	2.250	163.000	163.000	40.000		2.250	
*	Hoàn trả tạm ứng			-	-	-	50.000	50.000	50.000	-	-	-	-		-	
	<i>Dự án nhóm B</i>															
14	Đường cơ động phía đông nam Đảo Lý Sơn (giai đoạn 2)	Bộ Chỉ huy Quản sự tỉnh		688.000	688.000	688.000	619.000	619.000	-	2.250	163.000	163.000	40.000		2.250	
*	<i>Dự án khởi công mới giai đoạn 2016-2020</i>			688.000	688.000	688.000	619.000	619.000	-	2.250	163.000	163.000	40.000		2.250	
	<i>Dự án dự kiến hoàn thành sau 2020</i>															
	<i>Dự án nhóm B</i>															
15	Đường cơ động phía đông nam Đảo Lý Sơn (giai đoạn 3)	Bộ Chỉ huy Quản sự tỉnh		688.000	688.000	688.000	619.000	619.000	2.250	2.250	163.000	163.000	40.000		2.250	Rà soát, trả nợ đọng XDCB (nếu còn) 2,25 tỷ đồng
IX	Chương trình mục tiêu cấp điện nông thôn, miền núi và hải đảo			806.043	685.137	685.137	84.000	67.000	-	-	71.900	57.900	9.000			
	<i>Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015 sang giai đoạn 2016-2020</i>			806.043	685.137	685.137	84.000	67.000	-	-	71.900	57.900	9.000			
	<i>Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2020</i>			806.043	685.137	685.137	84.000	67.000	-	-	71.900	57.900	9.000			
	<i>Dự án nhóm B</i>															
16	Cấp điện nông thôn tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2013-2020	Sở Công thương		806.043	685.137	685.137	84.000	67.000			71.900	57.900	9.000			
X	Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số			50.000	45.000	45.000	20.000	20.000	-	-	10.000	10.000	10.000			
	<i>Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016-2020</i>			50.000	45.000	45.000	20.000	20.000	-	-	10.000	10.000	10.000			

ST T	Danh mục dự án	Đầu mối giao kế hoạch	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTg giao kế hoạch		Kế hoạch trung hạn 5 năm giai đoạn 2016-2020						Kế hoạch trung hạn đã giao đến hết năm 2019		Kế hoạch 2020 vốn NSTW		Ghi chú
			Số quyết định: ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Trong đó: Trả lại các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XD/CB	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số	Trong đó: Trả lại vốn ứng trước	
	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2020			50.000	45.000	20.000	20.000	-	-	10.000	10.000	10.000			
	Dự án nhóm C														
17	Trung tâm nội tiết tỉnh Quảng Ngãi	BQLDA PTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh	1875/QĐ-UBND ngày 10/10/2016	50.000	45.000	20.000	20.000			10.000	10.000	10.000			

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TỰ VỐN CÔNG NĂM 2020

NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ TỰ VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI

Nguyên văn: Ngân sách Trung ương

Kèm theo Quyết định số 1041/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi

Đơn vị: Triệu đồng



TT	Đanh mục dự án	Đầu mối giao Kế hoạch	Địa điểm thực hiện	Năng lực thực hiện (K-C-T)	Số nhà thầu	Số nhà thầu	Quyết định đầu tư		Đã bố trí vốn đến hết kế hoạch năm 2015		Kế hoạch trung hạn 2016-2020		Đã bố trí vốn giai đoạn 2016-2019		Kế hoạch năm 2020		Ghi chú				
							TMDT		Trong đó:		Trong đó:		Trong đó:		Trong đó:						
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn đối ứng	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn đối ứng	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn đối ứng	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Vốn đối ứng	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt)		
I. LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP, GIÀM NGHÈO																					
1. Danh mục dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2020																					
1	Sửa chữa và nâng cấp an toàn đập (WB8) Quảng Ngãi	Sở Nông nghiệp và PTNT	Chợ huyện trong tỉnh	Sửa chữa, nâng cấp 19 hồ chứa nước trên địa bàn tỉnh	2016-2022	4638/QĐ-BNN-HTQT, 09/11/2015; 546/QĐ-UBND, 04/4/2016; 912/QĐ-UBND, 11/6/2018	337.725	17.775	319.950	0	7.506	61.631	157.775	17.775	140.000	124.058	20.421	103.637	33.484	33.484	
2	Phục hồi và Quản lý bền vững rừng phòng hộ (JICA 2)	Sở Nông nghiệp và PTNT	Ba To, Tây Trà, Sơn Hà, Sơn Tây	Trồng mới 2.800 ha; Bảo vệ 3.200 ha; Khảo sát 3.300 ha; 80 km đường	2012-2021	1417/QĐ-UBND, 26/9/2012; 1658/QĐ-UBND, 06/9/2017	201.986	24.845	177.141	69.137	7.506	61.631	54.282	21.282	33.000	18.911	11.570	7.341	12.770	2.770	10.000
2. Danh mục dự án hoàn thành năm 2020																					
3	Dự án Quản lý thiên tai (WB5)	Sở Nông nghiệp và PTNT			2013-2018		1.067.709	161.021	906.688	42.187	17.187	25.000	800.354	80.743	719.611	470.797	56.798	413.999	228.000	28.000	200.000
4	Giảm nghèo bền vững khu vực Tây Nguyên - tỉnh Quảng Ngãi	Sở Kế hoạch và Đầu tư			2014-2018	153/QĐ-UBND, 23/10/2013	337.818	18.477	319.341	6.059	6.059	297.029	12.418	284.611	298.084	13.473	284.611	228.000	28.000	200.000	
5	Khai thác kinh doanh khai thác than tại tài sản công miền Trung - tỉnh Quảng Ngãi	Ban Quản lý dự án DTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Chợ huyện	Đa mục	2017-2020	542/QĐ-UBND, 29/3/2017	437.310	75.710	361.600	-	-	380.000	40.000	340.000	97.085	22.500	74.585	220.500	20.500	200.000	

Hiệu như sau của sự đồng ý của UBND tỉnh

TT	Danh mục dự án	Đầu mối giao Kế hoạch	Địa điểm thực hiện	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Số quyết định	Quyết định đầu tư TMDT				Đã bố trí vốn đến hết kế hoạch năm 2015				Kế hoạch trung hạn 2016-2020				Đã bố trí vốn giai đoạn 2016-2019				Kế hoạch năm 2020				Ghi chú					
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó:							
							Vốn đối ứng	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt)	Vốn đối ứng	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt)	Vốn đối ứng	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt)	Vốn đối ứng	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt)	Vốn đối ứng	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt)	Vốn đối ứng	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt)	Vốn đối ứng	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt)	Vốn đối ứng	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt)	Vốn đối ứng	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt)	Vốn đối ứng	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt)						
6	Chuẩn bị đầu tư Xây dựng cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu cho đồng bào dân tộc thiểu số (CRIEM)	BQLDA ĐT XD các công trình Chào thông tỉnh					766.100 766.100	71.750 71.750	694.350 694.350	- -	- -	900 900	900 900	- -	- -	900 900	900 900	- -	- -	900 900	900 900	- -	- -	900 900	900 900	- -	- -					
II	LĨNH VỰC CÔNG THƯƠNG						127.790 127.790	19.168 19.168	108.621 108.621	0 0	0 0	100.000 100.000	100.000 100.000	0 0	0 0	100.000 100.000	100.000 100.000	0 0	0 0	100.000 100.000	100.000 100.000	0 0	0 0	68.000 68.000	68.000 68.000	0 0	0 0	68.000 68.000	68.000 68.000			
7	Cấp điện nông thôn từ lưới điện Quốc gia tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2018-2020 (EU tài trợ)	Sở Công Thương	Sơn Hòa, Ba Tô, TP Quảng Ngãi	3915 hồ	2018- 2020	3337/QĐ-BCT ngày 17/9/2018, 981/QĐ- UBND ngày 11/7/2019	127.790 127.790	19.168 19.168	108.621 108.621	0 0	0 0	100.000 100.000	100.000 100.000	0 0	0 0	100.000 100.000	100.000 100.000	0 0	0 0	100.000 100.000	100.000 100.000	0 0	0 0	68.000 68.000	68.000 68.000	0 0	0 0	68.000 68.000	68.000 68.000			
III	NGÀNH Y TẾ						220708 220708	44551 44551	176157 176157	0 0	0 0	800 800	800 800	0 0	0 0	800 800	800 800	0 0	0 0	800 800	800 800	0 0	0 0	800 800	800 800	0 0	0 0	800 800	800 800			
8	Chuẩn bị đầu tư phát triển hệ thống cung ứng dịch vụ y tế tuyến cơ sở - Dự án thành phần tỉnh Quảng Ngãi	Sở Y tế					220708 220708	44551 44551	176157 176157	0 0	0 0	800 800	800 800	0 0	0 0	800 800	800 800	0 0	0 0	800 800	800 800	0 0	0 0	800 800	800 800	0 0	0 0	800 800	800 800			
IV	LĨNH VỰC GIAO DỤC ĐẠO TẠO						28.600 28.600	6.600 6.600	22.000 22.000	1.513 1.513	500 500	1.513 1.513	1.513 1.513	500 500	1.013 1.013	1.513 1.513	1.513 1.513	500 500	1.013 1.013	1.513 1.513	1.513 1.513	500 500	1.013 1.013	1.513 1.513	1.513 1.513	500 500	1.013 1.013	1.513 1.513	1.513 1.513			
9	Giáo dục trung học cơ sở khu vực khó khăn nhà (giai đoạn 2)	Sở Giáo dục và Đào tạo	Bình Sơn, Sơn Tịnh, Tư Nghĩa, Mộ Đức	6 trường THCS	2015- 2018	960/QĐ- UBND ngày 12/6/2015	28.600 28.600	6.600 6.600	22.000 22.000	1.513 1.513	500 500	1.513 1.513	1.513 1.513	500 500	1.013 1.013	1.513 1.513	1.513 1.513	500 500	1.013 1.013	1.513 1.513	1.513 1.513	500 500	1.013 1.013	1.513 1.513	1.513 1.513	500 500	1.013 1.013	1.513 1.513	1.513 1.513			
V	LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG						107.000 107.000	18.250 18.250	88.750 88.750	0 0	0 0	32.063 32.063	32.063 32.063	0 0	0 0	32.063 32.063	32.063 32.063	0 0	0 0	32.063 32.063	32.063 32.063	0 0	0 0	6.047 6.047	6.047 6.047	26.016 26.016	26.016 26.016	3.630 3.630	3.630 3.630	22.386 22.386	22.386 22.386	
10	Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu địa đai thực hiện tại tỉnh Quảng Ngãi	Sở Tài nguyên và Môi trường	Toàn tỉnh	Đa mục tiểu	2017- 2022	2198/QĐ- UBND ngày 08/11/2016	107.000 107.000	18.250 18.250	88.750 88.750	- -	- -	32.063 32.063	32.063 32.063	0 0	0 0	32.063 32.063	32.063 32.063	0 0	0 0	32.063 32.063	32.063 32.063	0 0	0 0	6.047 6.047	6.047 6.047	26.016 26.016	26.016 26.016	3.630 3.630	3.630 3.630	22.386 22.386	22.386 22.386	
VI	CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU ƯNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU VÀ TĂNG TRƯỞNG XANH						146.155 146.155	49.800 49.800	96.355 96.355	0 0	0 0	101.355 101.355	101.355 101.355	0 0	0 0	101.355 101.355	101.355 101.355	0 0	0 0	101.355 101.355	101.355 101.355	0 0	0 0	53.178 53.178	53.178 53.178	48.178 48.178	48.178 48.178	0 0	0 0	48.177 48.177	48.177 48.177	
	Danh mục dự án hoàn thành năm 2020						146.155 146.155	49.800 49.800	96.355 96.355	0 0	0 0	101.355 101.355	101.355 101.355	0 0	0 0	101.355 101.355	101.355 101.355	0 0	0 0	101.355 101.355	101.355 101.355	0 0	0 0	53.178 53.178	53.178 53.178	48.178 48.178	48.178 48.178	0 0	0 0	48.177 48.177	48.177 48.177	

TT	Danh mục dự án	Đầu mối giao Kế hoạch	Địa điểm thực hiện	Năng lực thiết kế và kẻ	Thời gian KC-HT	Số quyết định UBND ngày	Quyết định đầu tư						Ghi chú									
							TMDT		DA bố trí vốn đến hết kế hoạch năm 2015		Kế hoạch trung hạn 2016-2020			Đã bố trí vốn giai đoạn 2016 - 2019		Kế hoạch năm 2020						
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn đối ứng	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn đối ứng	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt)		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn đối ứng	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn đối ứng	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt)			
11	Xây dựng tuyến đường đèo biên thôn Thanh Đức, xã Phú Thạnh, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi	Ban Quản lý dự án DTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Đức Phổ	2.420m đường và kẻ	2018-2020	1573/QĐ-UBND ngày 17/9/2018	146.155	49.800	96.355	0	0	-	101.355	5.000	96.355	53.178	5.000	48.178	48.177	0	48.177	

Ghi chú: (1) Kế hoạch vốn đến hết năm 2020 đã được giao tại Quyết định số 1011/QĐ-UBND ngày 23/12/2019 của UBND tỉnh.